TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ- TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HSST
Ngày: 27 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Đình Quang - Cán bộ hưu trí
Ông Nguyễn Đình Nhỏ - Phó Chủ tịch Hội nông dân, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Đặng Quốc T, sinh ngày 20/9/1981, tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn T, sinh năm 1957 và bà Trần Thị L, sinh năm 1960; Có vợ Nguyễn Thị Thu U, sinh năm 1987 và 02 người con chung; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:
1/ Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Tổ 2, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
2/ Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ 2, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**
1/ Anh Đào Thanh L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
2/ Chị Nguyễn Thị Thu U, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 12 năm 2022, Nguyễn Văn Th gặp Đặng Quốc T đang ngồi tại quán cà phê trước nhà máy đường thị xã A. Lúc này Th hỏi T vì sao xe tải chở mía của T đi qua chốt kiểm soát của Cảnh sát giao thông mà không bị kiểm tra, xử lý vi phạm. Lúc này, T nói với Th là có gửi xe cho L phật "lo" nên xe tải đi qua chốt kiểm soát không bị Cảnh sát giao thông kiểm tra thì Th nhờ T gửi giúp cho Th 01 xe tải, T nói giá tiền là 15.000.000đồng thì Th đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, khoảng 07 ngày sau Th đến nhà T để đưa số tiền 15.000.000đồng nhưng không có T ở nhà nên Th đã đưa tiền cho vợ của T là chị Nguyễn Thị Thu U. Sau đó, chị U đưa số tiền 15.000.000đồng lại cho T. Sau đó, T đã sử dụng hết số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Cũng tại vị trí này sau khi nói chuyện với Th xong, Nguyễn Bá H ngồi gần đó hỏi Tín vì sao xe chở mía của T chạy qua chốt kiểm soát của Cảnh sát giao thông mà không bị kiểm tra, xử lý vi phạm, T nói gửi xe cho L phật "lo" nên xe không bị Cảnh sát giao thông kiểm tra, T hỏi muốn gửi xe không thì H đồng ý. T nói với H giá tiền mỗi xe là 15.000.000đồng thì H đồng ý gửi 02 xe với số tiền 30.000.000đồng. Sau khi thỏa thuận xong, khoảng 10 ngày sau H đến nhà T để đưa số tiền 30.000.000đồng nhưng không có Tín ở nhà nên Hiền đã đưa tiền cho vợ của T là chị Nguyễn Thị Thu U. Sau đó, chị U đưa số tiền 30.000.000đồng lại cho T. Sau đó, Tín đã sử dụng hết số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng tháng 02 năm 2023, xe tải chở mía của Th và H đi qua chốt kiểm soát thì bị Cảnh sát giao thông Công an thị xã A cân xe và lập biên bản xử phạt vì lỗi chở hàng quá tải nên Th và H làm đơn trình báo.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT -VKS ngày 10/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Đặng Quốc T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Quốc T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và đề nghị căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 174; Điều 35; Điều 65; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Quốc T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

Phạt bổ sung bị cáo phải nộp số tiền từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* của bị cáo xảy ra tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên về thẩm quyền khởi tố điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền. Trong quá trình điều

tra, truy tố và xét xử Điều tra Viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận vào khoảng cuối tháng 12 năm 2022, Th hỏi T vì sao xe tải chở mía của T đi qua chốt kiểm soát của Cảnh sát giao thông mà không bị kiểm tra, xử lý vi phạm. Lúc này, T nói với Th là có gửi xe cho L phật "lo" nên xe tải đi qua chốt kiểm soát không bị Cảnh sát giao thông kiểm tra thì Th nhờ T gửi giúp cho Th 01 xe, T nói giá tiền là 15.000.000đồng thì Th đồng ý. Sau đó, Th đưa cho vợ của T số tiền là 15.000.000đồng. Tiếp theo, cũng hành vi trên Nguyễn Bá H đồng ý gửi 02 xe với số tiền là 30.000.000đồng và H đã đưa số tiền trên cho vợ của T. Sau đó vợ của T đã đưa cho T tổng số tiền là 45.000.000đồng.

Hành vi *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lừa dối để chiếm đoạt tài sản của anh Th và anh H, đồng thời hành vi trên còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Để có tiền tiêu xài phục vụ cho mục đích cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng và thiếu hiểu biết của các bị hại, lừa dối thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại tiêu xài cá nhân, mà đáng lẽ ra bị cáo phải nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản luôn được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều trái pháp luật.

Qua lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa, cùng với các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Đặng Quốc T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện 02 lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 45.000.000đồng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là cơ sở để định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cả 02 lần đều đủ cấu thành tội phạm nhưng truy tố và xét xử 01 lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự, sau khi khấu trừ tình tiết giảm

nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo còn được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo là thỏa đáng mà vẫn có tác dụng giáo dục, trừng trị người phạm tội trong chính sách nhân đạo về hình sự của Nhà nước ta.

Để đảm bảo tính răng đe của pháp luật cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với Nguyễn Thị Thu U là vợ của bị cáo T, khi nhận tiền của anh Th và anh H không có bàn bạc, trao đổi gì với T, không biết số tiền trên do T lừa đảo mà có, không có hưởng lợi nên không có cơ sở đồng phạm với T trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với Nguyễn Thị Thu U là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Đối với Đào Thanh L trong quá trình điều tra xác định, L không có bàn bạc với T, không nhận tiền từ T, không liên lạc hay thỏa thuận gì với T. Do đó, không có cơ sở chứng minh L đồng phạm với T trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với Đào Thanh L là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[4] Xét về căn cứ áp dụng pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt áp dụng cho bị cáo mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa là tương xứng với hành vi của bị cáo, phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trên.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại. Các bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Đặng Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 174; Điều 35; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Đặng Quốc T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

[2] Xử phạt: Đặng Quốc T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 27/12/2024.

Giao bị cáo Đặng Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Đặng Quốc T số tiền 10.000.000đồng. Buộc bị cáo phải nộp số tiền trên để sung công quỹ Nhà nước.

[4] Buộc bị cáo Đặng Quốc T phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/12/2024) bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo và những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Ngọc Bình